

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 23

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Y tế Danameco trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Y tế Danameco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thiết bị Y tế Trung ương 3) theo Quyết định số 3596/QĐ - BYT ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000659 ngày 07 tháng 6 năm 2005. Năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được điều chỉnh lần thứ ba ngày 15 tháng 11 năm 2007 liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Danameco Medical Joint Stock Company  
Tên viết tắt: DANAMECO

Trụ sở chính của Công ty: 105 Hùng Vương, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Trong năm, Công ty có 5 đơn vị hạch toán phụ thuộc và 1 công ty con, cụ thể:

- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Quảng Nam;
- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và chăm sóc khách hàng;
- Xí nghiệp Sản xuất Bông băng gạc và vật tư y tế;
- Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam - Công ty con.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Minh Trang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hoa	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Kiệt	Ủy viên
Ông Nguyễn Tấn Tiên	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2007 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Trang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

**Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận**

Tình hình tài chính ngày tại 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong **Báo cáo tài chính từ trang số 05 đến trang số 19 kèm theo.**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

**Kiểm toán viên**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Phạm Thị Minh Trang**

**Tổng Giám đốc**

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2008*

SỐ: /2008/CPAVN/BCKT-BCTC

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Y tế Danameco**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Y tế Danameco (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM – CPA VIETNAM**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2008*

---

**Phan Thanh Nam**  
**Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

<b>MS</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>41.311.766.285</b>	<b>29.025.046.850</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>3.952.127.367</b>	<b>8.119.145.327</b>
111	Tiền	5	3.952.127.367	8.119.145.327
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.862.740.473</b>	<b>9.621.374.699</b>
131	Phải thu khách hàng		20.896.529.931	7.340.333.561
132	Trả trước cho người bán		3.376.487.730	2.162.360.924
135	Các khoản phải thu khác	6	589.722.812	401.584.278
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(282.904.064)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>9.674.445.624</b>	<b>10.340.210.392</b>
141	Hàng tồn kho	7	9.674.445.624	11.058.424.139
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(718.213.747)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.822.452.821</b>	<b>944.316.432</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		70.022.977	-
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		63.529.214	-
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	130.490.295	278.447.592
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	2.558.410.335	665.868.840
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>14.532.191.144</b>	<b>9.910.190.876</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>661.579.177</b>
212	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	661.579.177
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>14.391.418.676</b>	<b>9.218.252.780</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	11	11.531.009.912	4.464.986.441
222	Nguyên giá		17.340.807.617	9.013.934.543
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.809.797.705)	(4.548.948.102)
227	Tài sản cố định vô hình		1.154.910.871	1.154.910.871
228	Nguyên giá		1.154.910.871	1.154.910.871
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.705.497.893	3.598.355.468
<b>240</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>140.772.468</b>	<b>30.358.919</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		140.772.468	30.358.919
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>55.843.957.429</b>	<b>38.935.237.726</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

<b>MS</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>32.046.757.976</b>	<b>24.731.350.468</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>30.647.459.846</b>	<b>24.087.680.903</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	12	15.920.697.023	7.453.100.000
312	Phải trả người bán		12.064.218.977	9.541.985.052
313	Người mua trả tiền trước		922.885.964	3.302.125.809
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	215.771.879	11.566.553
315	Phải trả người lao động		296.593.127	1.233.777.294
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.227.292.876	2.545.126.195
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>1.399.298.130</b>	<b>643.669.565</b>
334	Vay và nợ dài hạn	14	1.281.922.140	591.750.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		117.375.990	51.919.565
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>23.797.199.453</b>	<b>14.203.887.258</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>23.559.976.426</b>	<b>12.832.347.940</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	15.030.100.000	9.780.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	15	921.967.000	71.350.000
417	Quỹ đầu tư phát triển		1.736.180.751	1.736.180.751
418	Quỹ dự phòng tài chính	15	898.384.331	974.018.849
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		96.398.340	270.798.340
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15	4.876.946.004	-
<b>430</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>237.223.027</b>	<b>1.371.539.318</b>
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		237.223.027	1.371.365.872
432	Nguồn kinh phí		-	173.446
<b>430</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>55.843.957.429</b>	<b>38.935.237.726</b>

<b>TÀI SẢN NGOÀI BẢNG</b>		<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
1	Tài sản giữ hộ	6.417.900.615	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	24.081.917.416	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	160.539.652	-

Phạm Thị Minh Trang

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2008

Nguyễn Tấn Tiên

Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2007	Năm 2006
<b>01</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>110.693.572.196</b>	<b>91.915.282.882</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		463.449.965	143.275.670
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>16</b>	<b>110.230.122.231</b>	<b>91.772.007.212</b>
<b>11</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>17</b>	<b>92.212.703.767</b>	<b>70.787.296.360</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>18.017.418.464</b>	<b>20.984.710.852</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	18	399.785.582	95.164.716
22	Chi phí tài chính	18	1.737.744.051	1.082.422.564
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.733.730.185</i>	<i>987.273.883</i>
24	Chi phí bán hàng	19	5.509.499.870	7.220.768.211
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.164.459.119	8.271.683.974
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.005.501.006</b>	<b>4.505.000.819</b>
31	Thu nhập khác	21	594.214.555	225.746.283
32	Chi phí khác	21	3.200.814	738.647
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>		<b>591.013.741</b>	<b>225.007.636</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>5.596.514.747</b>	<b>4.730.008.455</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>22</b>	<b>713.022.327</b>	-
<b>52</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		-	-
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>4.883.492.420</b>	<b>4.730.008.455</b>
<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>23</b>	<b>4.070</b>	<b>76.312</b>

Phạm Thị Minh Trang

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2008

Nguyễn Tấn Tiên

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

*(Đơn vị tính: VND)*

<b>MS</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2007</b>
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</i>	
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.596.514.747</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>	
02	Khấu hao tài sản cố định	1.260.849.603
03	Các khoản dự phòng	(935.661.386)
04	Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(5.829.702)
05	Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	(218.466.137)
06	Chi phí lãi vay	1.733.730.185
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD</b>	<b>7.431.137.310</b>
09	Tăng/Giảm các khoản phải thu	(16.104.995.945)
10	Tăng/Giảm hàng tồn kho	1.383.978.515
11	Tăng/Giảm các khoản phải trả	(2.744.537.608)
12	Tăng/Giảm chi phí trả trước	(180.436.526)
13	Tiền lãi vay đã trả	(1.137.244.370)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(462.945.046)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.390.897.225)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(13.205.940.895)</b>
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</i>	
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	(6.465.833.681)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	31.818.182
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	218.466.137
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(6.215.549.362)</b>
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</i>	
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	6.100.717.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	53.962.213.067
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(44.808.457.770)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>15.254.472.297</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(4.167.017.960)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	8.119.145.327
61	Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3.952.127.367</b>

**Phạm Thị Minh Trang**

**Tổng Giám đốc**

*Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2008*

**Nguyễn Tấn Tiên**

**Kế toán trưởng**

# CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Y tế Danameco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thiết bị Y tế Trung ương 3) theo Quyết định số 3596/QĐ - BYT ngày 12 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000659 ngày 07 tháng 6 năm 2005. Năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được điều chỉnh lần thứ ba ngày 15 tháng 11 năm 2007 liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Danameco Medical Joint Stock Company  
Tên viết tắt: DANAMECO

Trụ sở chính của Công ty: 105 Hùng Vương, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Trong năm, Công ty có 5 đơn vị hạch toán phụ thuộc và 1 công ty con, cụ thể:

- Chi nhánh Hà Nội;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Quảng Nam;
- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và chăm sóc khách hàng;
- Xí nghiệp Sản xuất Bông băng gạc và vật tư y tế;
- Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam - Công ty con.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Sản xuất và kinh doanh thuốc, thiết bị và vật tư y tế;
- Sản xuất bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch và các sản phẩm phục vụ cấp cứu chấn thương, thiên tai, địch họa;
- Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, dụng cụ thiết bị y tế;
- Kinh doanh hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, dụng cụ, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân;
- Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm, phòng mổ, phòng X - quang và các công trình chuyên ngành y tế;
- Đảm nhận công tác hậu cần cho các công trình tiếp nhận và phân phối hàng viện trợ khu vực miền Trung và Tây nguyên;
- Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường;
- Dịch vụ tẩy trùng và xử lý môi trường.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được tổng hợp từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Y tế Đà Nẵng (Công ty Mẹ) và Công ty TNHH Một thành viên Y tế Quảng Nam (Công ty Con).

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa Công ty con và Công ty Mẹ cũng như các đơn vị trực thuộc Công ty Mẹ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách của công ty con cũng có thể được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với chính sách kế toán của Công ty Mẹ áp dụng.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

## **3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	15 - 25
Phương tiện vận tải	20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	20

**Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất lâu dài được UBND thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận số 79054 ngày 15/11/2004. Giá trị quyền sử dụng đất này hiện đang được cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng số 06135002/HĐTC ngày 20/9/2006.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ các giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hoá đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm tài chính 2005, 2006 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 2 năm tài chính tiếp theo theo quy định tại thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 “Hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam - Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 “Hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp” áp dụng cho các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tiền mặt		
<i>Công ty Cổ phần Y tế Danameco</i>	326.340.456	3.846.009
<i>Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam</i>	606.690	-
Tiền gửi Ngân hàng		
<i>Công ty Cổ phần Y tế Danameco</i>	3.580.124.163	8.115.299.318
<i>Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam</i>	45.056.058	-
<b>Tổng</b>	<b><u>3.952.127.367</u></b>	<b><u>8.119.145.327</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Phải thu về cổ phần hóa	-	157.025
Phải thu người lao động (*)	403.761.670	130.540.000
Phải thu khác	185.961.142	270.887.253
<b>Tổng</b>	<b><u>589.722.812</u></b>	<b><u>401.584.278</u></b>

(\*) Đây là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành trong năm 2007.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3.765.923.018	4.354.642.971
Công cụ, dụng cụ	16.277.121	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	406.686.310	283.347.698
Thành phẩm	858.880.833	986.207.472
Hàng hoá	3.454.003.541	2.785.342.743
Hàng gửi đi bán	1.172.674.801	2.648.883.255
<b>Tổng</b>	<b><u>9.674.445.624</u></b>	<b><u>11.058.424.139</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(718.213.747)
<b>Giá trị thuần của hàng tồn kho</b>	<b><u>9.674.445.624</u></b>	<b><u>10.340.210.392</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	110.801.123	221.037.163
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	18.283.539	14.349.165
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	36.318.196
Tiền thuê đất	1.405.633	6.743.068
<b>Tổng</b>	<b>130.490.295</b>	<b>278.447.592</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Các khoản tạm ứng		
<i>Công ty Cổ phần Y tế Danameco</i>	1.482.878.305	430.263.840
<i>Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam</i>	47.988.215	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn		
<i>Công ty Cổ phần Y tế Danameco</i>	1.027.543.815	235.605.000
<b>Tổng</b>	<b>2.558.410.335</b>	<b>665.868.840</b>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Nhà máy Bông băng gạc Điện Hòa	213.153.688	3.571.355.468
Lệ phí trước bạ xe ô tô Toyota Corolla	-	27.000.000
Trung tâm giặt tẩy	1.492.344.205	-
<b>Tổng</b>	<b>1.705.497.893</b>	<b>3.598.355.468</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*(Đơn vị tính: VND)*

Năm 2007	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<b><u>Nguyên giá</u></b>					
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>4.253.807.953</b>	<b>3.351.641.279</b>	<b>590.464.263</b>	<b>818.021.048</b>	<b>9.013.934.543</b>
Tăng trong năm	5.083.758.964	2.494.194.036	473.031.069	486.135.600	8.537.119.669
<i>Xây dựng mới</i>	<i>4.338.921.831</i>	-	<i>27.000.000</i>	-	<i>4.365.921.831</i>
<i>Mua trong năm</i>	<i>744.837.133</i>	<i>2.494.194.036</i>	<i>446.031.069</i>	<i>486.135.600</i>	<i>4.171.197.838</i>
Giảm trong năm	-	-	162.802.947	47.443.648	210.246.595
<i>Thanh lý</i>	-	-	<i>162.802.947</i>	-	<i>162.802.947</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	<i>47.443.648</i>	<i>47.443.648</i>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>9.337.566.917</b>	<b>5.845.835.315</b>	<b>900.692.385</b>	<b>1.256.713.000</b>	<b>17.340.807.617</b>
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>					
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>1.730.249.930</b>	<b>1.807.951.558</b>	<b>305.449.692</b>	<b>705.296.922</b>	<b>4.548.948.102</b>
Tăng trong năm	520.483.284	607.057.910	192.127.997	116.665.177	1.436.334.368
<i>Do trích khấu hao</i>	<i>520.483.284</i>	<i>607.057.910</i>	<i>192.127.997</i>	<i>116.665.177</i>	<i>1.436.334.368</i>
Giảm trong năm	-	-	162.802.947	12.681.818	175.484.765
<i>Thanh lý</i>	-	-	<i>162.802.947</i>	-	<i>162.802.947</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	<i>12.681.818</i>	-
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>2.250.733.214</b>	<b>2.415.009.468</b>	<b>334.774.742</b>	<b>809.280.281</b>	<b>5.809.797.705</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>					
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>2.523.558.023</b>	<b>1.543.689.721</b>	<b>285.014.571</b>	<b>112.724.126</b>	<b>4.464.986.441</b>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>7.086.833.703</b>	<b>3.430.825.847</b>	<b>565.917.643</b>	<b>447.432.719</b>	<b>11.531.009.912</b>

Nguyên giá của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2007 với giá trị là 1.647.295.456 đồng.

<b>Tên tài sản thế chấp</b>	<b>Giá trị thẩm định (VND)</b>
Thế chấp Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	
<i>Nhà máy sản xuất nguyên liệu, vật tư y tế tại Lô đất A2/4 cụm công nghiệp Trảng Nhät II Điện Hòa - Điện Bàn Quảng Nam</i>	4.578.653.000
<i>Trụ sở công ty số 105 Hùng Vương, Hải Châu, Đà Nẵng</i>	1.092.073.228
<i>Máy móc thiết bị của Nhà máy sản xuất</i>	652.964.407
Thế chấp Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đà Nẵng	
<i>Giá trị tài sản thế chấp của bên thứ 3 - Công ty CP Y tế Danameco</i>	1.434.765.046



**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.769.329.934	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	1.071.082.089	-
Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay cá nhân	4.420.285.000	2.453.100.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>660.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>15.920.697.023</b>	<b>7.453.100.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	213.759.085	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.012.794	11.566.553
<b>Tổng</b>	<b>215.771.879</b>	<b>11.566.553</b>

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2007</b>	<b>31/12/2006</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.941.922.140	591.750.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng vay và nợ dài hạn</b>	<b>1.941.922.140</b>	<b>591.750.000</b>
Trừ:		
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>660.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>1.281.922.140</b>	<b>591.750.000</b>

**Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng:**

Hợp đồng tín dụng số 06135002/HĐTD ngày 12/12/2006:

Số tiền vay : 2.647.100.000 đồng;

Thời hạn vay : 46 tháng;

Lãi suất : Trong hạn là 12%/ năm, quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

Hình thức đảm bảo tiền vay : Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận	
	CP	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
TCT Thiết bị Y tế VN	215.000	2.150.000.000	14%	2.150.000.000	2.150.000.000
Các cổ đông khác	1.288.010	12.880.100.000	86%	12.880.100.000	7.630.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.503.010</b>	<b>15.030.100.000</b>		<b>15.030.100.000</b>	<b>9.780.000.000</b>

Tăng, giảm vốn chủ sở hữu:

Năm 2007	Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
Tại ngày 01/01	9.780.000.000	1.736.180.751	974.018.849	-
Tăng trong năm	5.250.100.000	-	-	4.876.946.004
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	4.883.492.420
Phát hành cổ phiếu	5.250.100.000	-	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	(6.546.416)
Giảm trong năm	-	-	75.634.518	-
Chi quỹ	-	-	75.634.518	-
Tại ngày 31/12	<b>15.030.100.000</b>	<b>1.736.180.751</b>	<b>898.384.331</b>	<b>4.876.946.004</b>

Chi tiết cổ phiếu phát hành: mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.503.010	978.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	1.503.010	978.000
- Cổ phiếu thường	1.473.010	950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	30.000	28.000
Số cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.503.010	978.000
- Cổ phiếu thường	1.473.010	950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	30.000	28.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**16. DOANH THU**

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	108.959.914.430	90.675.900.503
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.733.657.766	1.239.382.379
<b>Tổng</b>	<b>110.693.572.196</b>	<b>91.915.282.882</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>463.449.965</b>	<b>143.275.670</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>110.230.122.231</b>	<b>91.772.007.212</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	92.018.596.462	70.787.296.360
Giá vốn cung cấp dịch vụ	194.107.305	-
<b>Tổng</b>	<b>92.212.703.767</b>	<b>70.787.296.360</b>

**18. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	218.466.137	49.079.175
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	171.475.877	46.085.541
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.843.568	-
<b>Tổng</b>	<b>399.785.582</b>	<b>95.164.716</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	1.733.730.185	987.273.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	95.148.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.013.866	-
<b>Tổng</b>	<b>1.737.744.051</b>	<b>1.082.422.564</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b>(1.337.958.469)</b>	<b>(987.257.848)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**19. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2007</b> <b>(VND)</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	441.512.580
Chi phí công cụ, dụng cụ	183.332.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.044.127
Chi phí bảo hành	3.167.314
Chi phí vận chuyển	1.069.063.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.569.147.340
Chi phí khác bằng tiền	2.237.232.613
<b>Tổng</b>	<b>5.509.499.870</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2007</b> <b>(VND)</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.183.501.585
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	940.165.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	382.064.459
Thuế, phí, lệ phí	60.857.186
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	99.990.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.099.463
Chi phí khác bằng tiền	1.405.780.100
<b>Tổng</b>	<b>6.164.459.119</b>

**21. THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2007</b> <b>(VND)</b>	<b>Năm 2006</b> <b>(VND)</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định, vật tư, dụng cụ	31.818.182	9.140.000
Xử lý nợ không có người đòi	35.954.174	-
Hàng hóa thừa trong kiểm kê	182.595.283	-
Tiền cho thuê nhà, tiết trùng	325.954.178	216.606.283
Thu nhập khác	17.892.738	-
<b>Tổng</b>	<b>594.214.555</b>	<b>225.746.283</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các chi phí khác	3.200.814	738.647
<b>Tổng</b>	<b>3.200.814</b>	<b>738.647</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>591.013.741</b>	<b>225.007.636</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

MẪU B 09 - DN

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2007</b>
	<b>(VND)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.596.514.747</b>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>4.013.866</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>(9.843.568)</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế Công ty TNHH MTV Danameco Quảng Nam</i>	<i>(497.668.424)</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.093.016.621</b>
Thuế suất áp dụng	28%
Tỷ lệ ưu đãi	50%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>713.022.327</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2007</b>
	<b>(VND)</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.883.492.420
Các khoản điều chỉnh	(60.000.000)
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>(60.000.000)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.823.492.420
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.185.255
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.070</b>

**24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán, một số số liệu được điều chỉnh lại so để phù hợp với việc trình bày số liệu của năm nay.

